

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

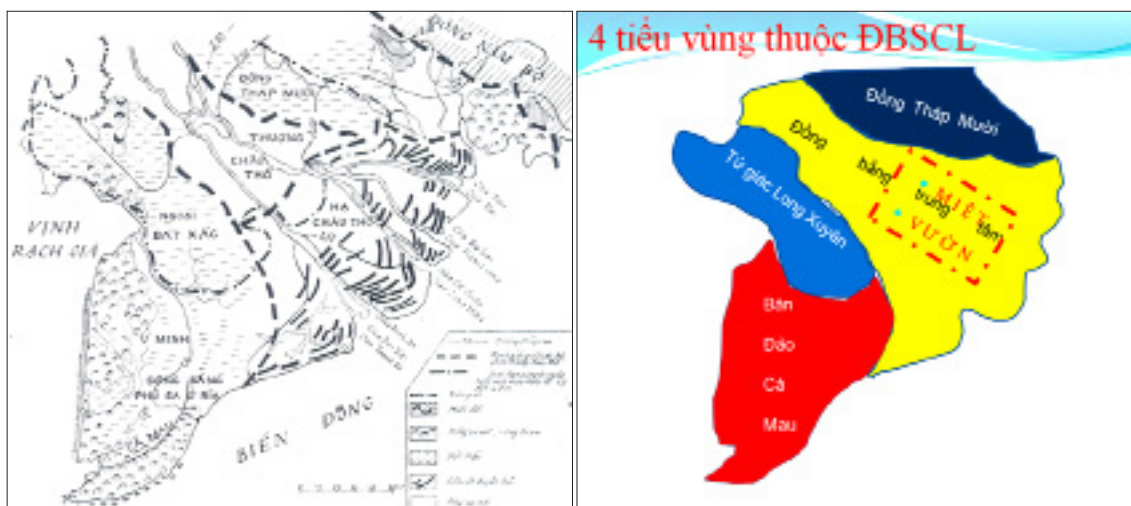
TÌM HIỂU ĐỊA VĂN HÓA MIỆT VƯỜN NAM BỘ

Lê Công Ly*

1. Miệt vườn trong bản đồ địa lý đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL)

Theo cuốn *Địa lý ĐBSCL* của Lê Bá Thảo, nếu chỉ tính phần đất liền thì ĐBSCL gồm 4 tiểu vùng địa lý:

- Tiểu vùng 1 (đồng bằng trung tâm): vùng đất ven Sông Tiền và Sông Hậu;
- Tiểu vùng 2 (Đồng Tháp Mười): vùng đất trũng gồm các huyện phía bắc của tỉnh Đồng Tháp, phía tây của tỉnh Long An và phía tây bắc của tỉnh Tiền Giang;
- Tiểu vùng 3 (tứ giác Long Xuyên): gồm các huyện phía tây nam tỉnh An Giang và phía bắc tỉnh Kiên Giang.
- Tiểu vùng 4 (bán đảo Cà Mau): gồm các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu và các huyện phía nam tỉnh Kiên Giang.⁽¹⁾



Hình 1.1: Bản đồ địa hình ĐBSCL.⁽²⁾

Hình 1.2: Miệt vườn và 4 tiểu vùng của ĐBSCL. (LCL vẽ).

Bốn tiểu vùng nói trên có điều kiện tự nhiên (địa hình, thổ nhưỡng, thủy văn v.v..) khác biệt nhau khá rõ:

- Tiểu vùng 1 (đồng bằng trung tâm): nhìn chung là vùng châu thổ nước ngọt được phù sa liên tục bồi đắp. Tuy nhiên, càng về hướng biển thì địa hình cao dần, độ sâu mực nước sông giảm dần và mức độ nhiễm mặn tăng dần.
- Tiểu vùng 2 (Đồng Tháp Mười) là một đồng lụt kín nhiễm phèn nặng.
- Tiểu vùng 3 (tứ giác Long Xuyên) là một đồng lụt hở.
- Tiểu vùng 4 (bán đảo Cà Mau) là vùng đất trũng thấp, ngập mặn hầu như quanh năm.

Sự miêu tả khái quát như trên cho thấy, các tiểu vùng 2, 3 và 4 có điều kiện tự nhiên tương đối thuận nhất, chỉ có tiểu vùng 1 (đồng bằng trung tâm) là phức

* Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh.

tập cả về địa hình lẫn thủy văn. Ngoài sự miêu tả sơ lược như trên, tiểu vùng 1 này còn có các đặc điểm đáng lưu ý về mặt địa lý tự nhiên như sau:

- Do phù sa liên tục bồi đắp nên phần đất sát bờ sông và các con rạch lớn có địa hình cao (khoảng 3-4m so với mặt nước biển). Độ cao này thường kéo dài khoảng 500m tính từ bờ sông/ bờ rạch. Phần đất còn lại xa bờ sông có địa hình rất thấp, chỉ khoảng 0,5-1m so với mực nước biển.

- Trên Sông Tiền và Sông Hậu luôn xuất hiện các *giáp nước* không cố định⁽³⁾ tạo bởi nước nguồn và thủy triều. Tùy thuộc vào lượng mưa của từng thời điểm trong năm mà địa điểm “tranh chấp” giữa hai luồng nước này gần hay xa bờ biển.

Tại các điểm “tranh chấp” này, luồng nước phù sa từ thượng nguồn bị chững lại nên lắng đọng tại chỗ, lâu ngày hình thành nên các *cồn*.⁽⁴⁾ Do đó, ngày nay căn cứ vào hình dáng, mật độ và diện tích của các cồn trên Sông Tiền và Sông Hậu cũng có thể hình dung được cục diện của sự “tranh chấp” tại các *giáp nước* trên hai con sông lớn này.

Ngày nay, nhìn lên bản đồ dễ nhận thấy Sông Tiền⁽⁵⁾ có mật độ uốn lượn cao nhất, nhiều ngả rẽ nhất và có nhiều *cồn* nhất là đoạn thuộc địa phận các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành, Chợ Gạo và thành phố (TP) Mỹ Tho của tỉnh Tiền Giang; các huyện Chợ Lách, Châu Thành, TP Bến Tre, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Giồng Trôm của tỉnh Bến Tre; huyện Châu Thành của tỉnh Đồng Tháp; các huyện Long Hồ, TP Vĩnh Long, Mang Thít, Vũng Liêm của tỉnh Vĩnh Long và huyện Càng Long của tỉnh Trà Vinh. Điều đó chứng tỏ khu vực nói trên chính là địa bàn xuất hiện chủ yếu của các *giáp nước* không cố định trên Sông Tiền.

Và thực tế hiện nay, vùng đất vừa nói trên được xem là ***miệt vườn Nam Bộ*** với diện tích vườn cây ăn trái chiếm tỷ trọng cao hơn các loại hình kinh tế khác.

Như vậy, *miệt vườn Nam Bộ* có các đặc điểm tự nhiên sau:

- Nếu chia Sông Tiền (đoạn thuộc địa phận Việt Nam) ra thành ba đoạn thì *miệt vườn* nằm ở khoảng vị trí 2/3 chiều dài sông, tính từ biên giới;

- *Miệt vườn* nằm ở vị trí *giáp nước* của Sông Tiền nên có mức bồi tụ phù sa cao nhất, dẫn đến địa hình cao ráo, nhiều cồn đất phù sa. Chính địa hình cao ráo này giúp cây trái *miệt vườn* không bị ngập nước vào mùa nước lụt hàng năm.⁽⁶⁾ Đây chính là ưu thế quan trọng nhất của *miệt vườn*.

- *Miệt vườn* là vùng có diện tích mặt sông và mật độ kinh rạch cao nhất⁽⁷⁾ mà chủ yếu là hàng loạt kinh rạch từ nội đồng (trũng) thoát nước ra Sông Tiền, tạo cảnh quan “sông sâu nước chảy”, môi trường thông thoáng trong lành.⁽⁸⁾ Chính nhờ tận dụng lợi thế của các vàm rạch và địa điểm *giáp nước* trên Sông Tiền mà năm 1785 Nguyễn Huệ đã đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược trong trận thủy chiến Rạch Gầm-Xoài Mút⁽⁹⁾ (nay thuộc xã Kim Sơn, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang).

Do có mật độ kinh rạch dày đặc nên hơn ở đâu hết, *miệt vườn* có *giao thông thủy phát triển nhất*: “Nhất cận thị, nhị cận giang” (tục ngữ); trong khi giao thông đường bộ ngày trước bị cản trở:

*Không đi thì nhớ thì thương,
Đi thì lại mắc cái mương cái cầu.
Không đi thì nhớ thì rầu,
Đi thì lại mắc cái cầu cái mương.*
(Ca dao)

Đồng thời, tại các vàm kinh vàm rạch này ghe thuyền thường xuyên phải dừng lại để chờ con nước thuận, lâu ngày hình thành các vựa trung chuyển hàng hóa và chợ búa, là mầm mống của đô thị. Vì ở miệt vườn có số vàm kinh, vàm rạch cao nhất ĐBSCL nên số lượng chợ cũng đứng đầu ĐBSCL: Tiền Giang có 160 chợ, Bến Tre có 175 chợ, Vĩnh Long có 106 chợ, Đồng Tháp có 203 chợ, Trà Vinh có 110 chợ.⁽¹⁰⁾

- Miệt vườn là nơi nước không hoàn toàn ngọt mà bị nhiễm mặn nhẹ⁽¹¹⁾ (do ở vùng *giáp nước*). Chính vì vậy mà nơi đây có các loài thủy sản (cá tôm, sò, ốc...) ngon nhất. Tuy nhiên, do nằm ở vùng “tranh chấp” giữa nước thượng nguồn Mekong và thủy triều từ biển nên miệt vườn chính là vùng đất nhạy cảm nhất trước những biến chuyển của thời tiết và khí hậu, nhất là hiện tượng nước biển dâng và dòng nước Mekong bị đắp đập ngăn dòng ở thượng nguồn.

Tóm lại, một cách chung nhất, về mặt tự nhiên, có thể nói miệt vườn nằm ở vùng *giao giới* giữa hệ sinh thái nước ngọt và nước lợ, là *giao điểm* của hầu hết các tuyến giao thông thủy bộ quan trọng ở ĐBSCL.

2. Đặc trưng văn hóa miệt vườn Nam Bộ

Những đặc điểm nêu trên dẫn đến hàng loạt hệ quả về mặt văn hóa-xã hội của miệt vườn Nam Bộ như sau:

2.1. Lưu dân Việt và Hoa đến ĐBSCL lập nghiệp chủ yếu đi bằng ghe thuyền, men theo bờ biển từ miền Trung vào Nam, rồi theo các cửa sông lớn ngược dòng vào đất liền tìm đất sống. Đây chính là sinh lộ của lưu dân nên hướng đi này đã ăn sâu vào tâm thức họ và di truyền qua nhiều thế hệ, thể hiện qua cách xác định tả ngạn/ hữu ngạn theo hướng từ biển vào.⁽¹²⁾

Khi vào sâu cách cửa biển chừng vài chục cây số trở đi, lưu dân bắt gặp các giồng đất phù sa màu mỡ ven sông nên nhanh chóng định cư lập nghiệp, hình thành miệt vườn. Do đó, miệt vườn là nơi các luồng lưu/ di dân đến *định cư sớm nhất* ở Nam Bộ: năm 1679 (với Mỹ Tho đại phố) rồi đến năm 1732 với châu Định Viễn và dinh Long Hồ.⁽¹³⁾ Đương thời dinh Long Hồ quản trị cả một vùng đất rộng lớn bằng cả ĐBSCL ngày nay. Tuy nhiên, chỉ có ở miệt vườn nhờ địa hình cao ráo nên lưu dân yên tâm định cư lâu dài và xây cất nhà cửa, đình miếu, chùa chiền kiên cố, còn các vùng còn lại dân cư rất thưa thớt và/ hoặc thường xuyên di chuyển. Do đó, có thể nói, miệt vườn chính cái nôi, là “bàn đạp” của công cuộc khai phá ĐBSCL.

Trước các mốc thời gian nói trên (1679, 1732), chưa thấy tài liệu nào ghi nhận về việc định hình khung cảnh miệt vườn. Năm 1296, sứ đoàn nhà Nguyên do Châu Đạt Quan dẫn đầu theo đường biển vào cửa Sông Tiền để ngược dòng đi sứ Chân Lạp. Ông đã ghi lại khung cảnh Sông Tiền đoạn nay thuộc miệt vườn như sau: “Vào nửa đường trong cửa sông, người ta mới thấy lần đầu cánh đồng bỏ hoang, không một gốc cây nào. Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê đầy dẫy. Hàng trăm hàng ngàn trầu rừng tự hợp trong vùng này. Tiếp đó, nhiều con đường dốc đầy tre gai chạy dài hàng trăm dặm”.⁽¹⁴⁾

Sứ đoàn này đi bằng thuyền trên sông mà nhận ra được tre gai thì ắt hẳn là những rừng tre nằm sát bờ Sông Tiền. Tre gai chỉ thích hợp ở vùng đất cao ráo. Do đó, thông tin này đã góp phần miêu tả khung cảnh hoang sơ của địa bàn miệt vườn đương thời.

Khi lưu dân người Việt đặt chân đến vùng đất này, ban đầu họ tận dụng hệ thống rạch tự nhiên sẵn có ăn ra Sông Tiền. Dần dần họ đào thêm các con kinh để bổ sung vào hệ thống thủy lợi quan trọng này. Đồng thời, tuy địa hình ở đây tương

đổi cao ráo với đất phù sa mới màu mỡ, nhưng trồng cây ăn trái đòi hỏi đất phải thực sự cao ráo để tránh bị ngập vào mùa nước nổi hàng năm. Do đó, từ rất sớm lưu dân người Việt đã phát minh ra kỹ thuật **đào mương lên liếp**.

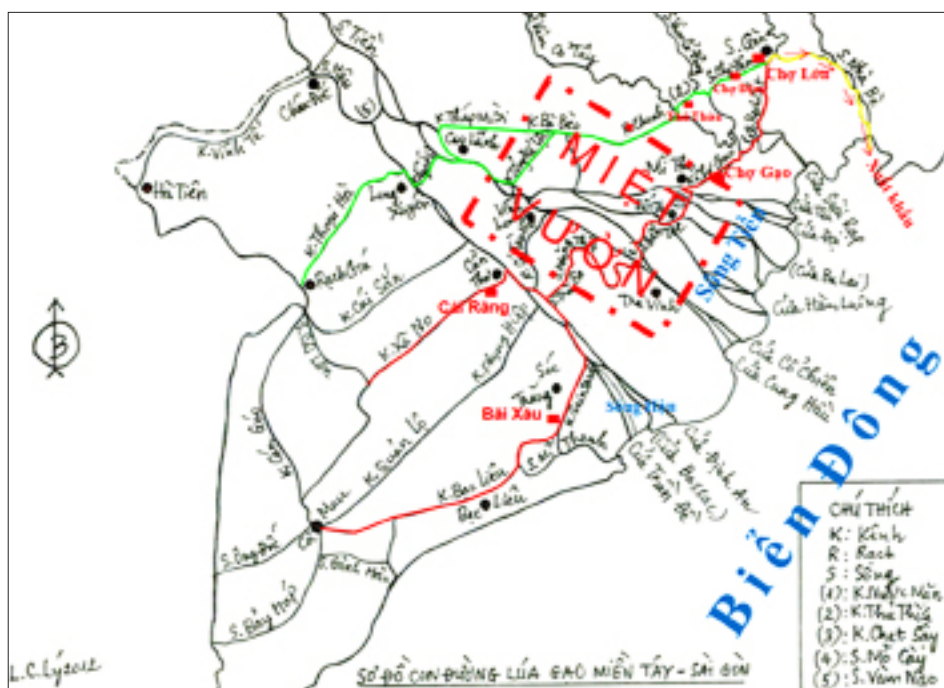
Liếp thường có hình chữ nhật, cao khoảng 0,5m so với mặt đất ban đầu, rộng khoảng 3-4m, chiều dài tùy từng vuông đất. Mương nằm xen kẽ giữa các liếp, thường rộng khoảng 2m, sâu khoảng 1m. Để đi từ liếp này qua liếp khác người ta phải bắc cầu tạm ngang mương. Các cây cầu này thường chỉ có một hai cây tròn lót để đi, gọi là *cầu khỉ*. Bằng cách này người ta sẽ có được những liếp đất cao ráo, tránh ngập úng, lại có nguồn nước ngọt tưới cây ở mương kề bên liếp. Các mương này được ăn thông với thủy triều của Sông Tiền nên tiếp tục nhận được phù sa bồi đắp. Cứ khoảng hai năm người ta vét các mương này thả đất bùn lên để bón cây, giúp đất đai ngày càng thêm màu mỡ và cao ráo hơn.⁽¹⁵⁾

Ngoài ra, các mương này cũng chính là nguồn cung cấp cá tôm làm thực phẩm quan trọng. Đồng thời, các con mương này do thông với hệ thống kinh rạch nên cũng chính là mạng lưới giao thông vận tải thuận lợi nhất giải quyết nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa trái cây.

Đào mương lên liếp, do đó, là công việc đương nhiên để lập vườn:

*Lập vườn thời phải khai mương,
Làm trai hai vợ phải thương cho đồng.*

(Ca dao)



Hình 2.1:
Định vị
miệt vườn
trong
hệ thống
giao thông
thủy
miền Tây -
Sài Gòn.
(LCL vẽ).

2.2. Miệt vườn là đầu mối giao thương đường thủy quan yếu giữa miền Tây và Sài Gòn (theo kinh Bà Bèo, kinh Chợ Gạo và kinh Bảo Định). Chính vì vậy mà ngay từ các thế kỷ XVII - XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX, miệt vườn đã không chỉ là địa bàn sản xuất cây trái quan trọng mà còn là *khu vực mậu dịch*⁽¹⁶⁾ nổi tiếng với hai thương cảng quốc tế nổi tiếng là Mỹ Tho (TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang ngày nay) và Ba Vát/ Ba Việt (xã Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre ngày nay).

Trong các thế kỷ XVIII, XIX và nửa đầu thế kỷ XX, mặt hàng của miệt vườn thu hút các thương nhân ngoại quốc nhất chính là cau khô và trầu rang. Trong sách *Phủ biên tạp lục* (1776), Lê Quý Đôn có ghi nhận: “*Gia Định rất nhiều cau. Ngạn ngữ nói ‘Gia Định nhất thóc nhì cau’, dân địa phương thường bỏ không thu, cau già lấy hạt bán cho người Tàu*”.⁽¹⁷⁾ Đến *Gia Định thành thông chí* (1820?), trong quyển *Sơn xuyên chí - trấn Định Tường*, đề mục “Viên” (vườn), tác giả chỉ ghi nhận mặt hàng cau khô: “*Ở huyện Kiến Đăng và Kiến Hưng, vườn cau ở đây sum sê. Cau tươi, cau sấy và cau khô nhà nào cũng có, người ta chất đống ngoài sân, dựa trong lẫm để bán đi các nơi xa gần*”.⁽¹⁸⁾ Chính vì trồng trầu và cau đem lại thu nhập cao hơn làm ruộng nhiều nên mức thuế vào thời Nguyễn cũng cao nhất so với các loại đất canh tác còn lại: Trong khi làm ruộng chỉ đóng thuế 3 tiền/ mẫu/ năm thì đất trồng cau đóng thuế 1 quan 4 tiền/ mẫu/ năm, đất trồng trầu giá 2 tiền/ mẫu/ năm.⁽¹⁹⁾ Chính vì vậy mà diện tích trồng cau ở miệt vườn vào thời Nguyễn rất lớn, chỉ đứng sau ruộng và chiếm tỷ lệ lên đến gần 90% tổng diện tích đất vườn: tỉnh Định Tường (địa bàn tỉnh Tiền Giang và một phần tỉnh Bến Tre ngày nay) hơn 23.837 mẫu, tỉnh Vĩnh Long (địa bàn rộng lớn trong đó có tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh ngày nay) hơn 30.540 mẫu.⁽²⁰⁾

Tuy nhiên, mặt hàng cau khô và trầu rang của miệt vườn đến giữa thế XX thì suy giảm nghiêm trọng do nhu cầu sụt giảm của thị trường cả trong nước lẫn thế giới, và thay vào đó là các mặt hàng trái cây. Kể từ đó cho tới nay, khi nhắc tới miệt vườn, người ta nghĩ ngay đến địa bàn vườn cây ăn trái.



Biểu đồ diện tích cây ăn trái các vùng miền Việt Nam năm 2008.⁽²²⁾

Đặc biệt, bước sang giai đoạn đổi mới, mở cửa và hội nhập, miệt vườn Nam Bộ nhanh chóng phát triển cả về diện tích vườn cây ăn trái lẫn các chủng loại giống cây trồng, năng suất và chất lượng trái cây. Chỉ tính riêng tỉnh Tiền Giang, đến năm 2010 có khoảng 20 chủng loại cây ăn trái được trồng trên diện tích gần 70.000ha, cho sản lượng gần 1 triệu tấn trái cây/ năm.⁽²¹⁾ Hiện tại miệt vườn có 6 công ty/ doanh nghiệp chế biến trái cây tại chỗ hoặc xuất khẩu và *Viện Cây ăn quả miền Nam, Bệnh viện Cây ăn quả ĐBSCL* tọa lạc tại xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trung tâm địa lý của miệt vườn là ở Cái Mơn (huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre ngày nay) nhưng “thủ phủ” của miệt vườn chính là TP Mỹ Tho⁽²³⁾ mà cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII gọi là Mỹ Tho đại phố (cả hai nơi này đều nằm trên bờ Sông Tiền). Do đó, miệt vườn chính là điểm hẹn của nhiều mối tình xa xứ:

*Ghe ai mũi đỏ trắng lườn,
Phải ghe Gia Định xuống vườn thăm em.*

Trong các thế kỷ trước, Mỹ Tho là đầu mối giao thông quan trọng nhất ở ĐBSCL. Tại Mỹ Tho có cầu tàu Lục Tỉnh, là nơi trung chuyển hàng hóa và hành khách giữa ĐBSCL và Sài Gòn. Thời Pháp thuộc, tuyến đường bộ nối Sài Gòn và Mỹ Tho (nay là quốc lộ 1A) gọi là đường Lục Tỉnh. Năm 1881, Pháp cho khởi công xây dựng tuyến đường sắt Sài Gòn-Mỹ Tho, dài 71km, khánh thành năm 1885. Đây là tuyến đường sắt đầu tiên ở Đông Nam Á.

Ở bờ bắc kinh Tàu Hủ ở Chợ Lớn (nay thuộc Quận 5, TP HCM) thời Pháp thuộc có bến tàu thủy tên là *quai de Mytho* (bến Mỹ Tho), đủ thấy Mỹ Tho là đầu mối giao thông thủy quan trọng bậc nhất đương thời.

Đặc biệt, Sông Tiền còn là *tuyến giao thông đường thủy quốc tế* quan trọng đi xuyên qua miệt vườn. Chính qua Sông Tiền mà ngay từ các thế kỷ trước, thương thuyền quốc tế từ Biển Đông đã tiếp cận được miệt vườn để trao đổi hàng hóa, giải quyết đầu ra và đầu vào của hàng loạt nhu cầu lao động sản xuất và sinh hoạt của cư dân nơi đây. Mỹ Tho đương thời là thương cảng quốc tế đường thủy quan trọng, nên ngoài việc có nhiều tàu ngoại quốc cập bến tại Mỹ Tho ra, còn có tàu lớn mang tên Mytho đi giao thương tại nhiều nước trên thế giới.



Hình 2.2: Định vị miệt vườn trên QL1A và đường thủy quốc tế (Sông Tiền). (LCL vẽ).



Hình 2.3: Thương thuyền mang tên Mytho tại cảng Alger, Algerie (Card postal 1908. Ảnh TL).



Hình 2.4: Bến tàu khách tại Mỹ Tho xưa (Ảnh TL).



Hình 2.5: Tuyến xe lửa sớm nhất Đông Nam Á: Sài Gòn-Mỹ Tho (1885-1958) (Ảnh TL).

Năm 1909, trong sách *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca*, Nguyễn Liên Phong ca ngợi phong cảnh chợ Mỹ Tho như sau:

*Buổi mơi, buổi tối, buổi trưa,
Tàu đò, xe lửa rước đưa liên liền.
Đầu đường sáu tỉnh mỗi giềng,
Tiệm ăn tiệm ngủ khỏe yên bộ hành.*⁽²⁴⁾

Do giữ vị trí là “đầu đường sáu tỉnh” mà tại vàm kinh Bảo Định ở Mỹ Tho có bến tàu xà-lúp với tên gọi “cầu tàu Lục Tỉnh” và đường bộ Sài Gòn-Mỹ Tho có tên là đường Lục Tỉnh. Không khí sầm uất đó đã được Học Lạc - nhà thơ yêu nước ở Mỹ Tho - miêu tả như sau:

*Trên Sài Gòn, dưới Mỹ Tho,
Đâu đâu phong cảnh cũng nhường cho.
Lớn rộng chung rạch, chia đôi ngã,
Cũ mới phân ranh cũng một đò.⁽²⁵⁾
Phố cát vẽ vời xanh tợ lục,
Buồm dong lên xuống⁽²⁶⁾ trắng như cò.
Đắc tình trạo tử quên mưa nắng,
Dấn dôi đua nhau tiếng hát đò.*

(Mỹ Tho tức cảnh)

Từ đó, cùng với Sài Gòn, Mỹ Tho trở thành biểu tượng của nơi văn minh thành thị:

*Đền nào cao bằng đền chợ Mỹ,
Lộ nào kỹ bằng lộ Cần Thơ.*

(Ca dao)

Ngoài ra, hoạt động giao thương đường thủy quốc tế của miệt vườn còn được thực hiện thông qua Sông Tiền - tuyến đường giao thương thủy vô cùng thuận lợi với Campuchia.⁽²⁷⁾ Con đường giao thương và giao lưu văn hóa nói chung này đã in sâu vào ký ức của biết bao thế hệ cư dân miệt vườn mà chủ yếu là hình ảnh chiếc tàu Nam Vang (tức tàu đi Nam Vang/ Phnom-pênh) và Biển Hồ⁽²⁸⁾ ở Campuchia với hàng chục câu ca dao, chẳng hạn:

+ *Chiếc tàu Nam Vang đầu đen mũi đỏ,
Ống khói đỏ đề chữ: Châu Thành,
Anh về đó ở sao đành,
Như chim về cội bạn đành bơ vơ.*
+ *Chiếc thuyền chạy tới Nam Vang,
Làm thơ nhắn lại em khoan lấy chồng.*
+ *Biển Hồ cực lắm ai ơi,
Ban đêm xẻ cá, ban ngày phơi khô.*

Do là đầu mối giao thông nên miệt vườn là nơi có mật độ dân cư và mật độ đô thị cao nhất ĐBSCL. Do đó, mức sống về vật chất của người dân nhìn chung khá giả và nhàn hạ hơn các vùng còn lại:

*Mẹ mong gả thiếp về vườn,
Ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh.*

(Ca dao)

Miệt vườn, do đó, cũng là nơi có phong tục thuần hậu hơn những nơi khác:

*Đồng Nai, Châu Đốc, Định Tường,
Lòng anh sở mộ con gái vườn mà thôi.*

(Ca dao)

2.3. Miệt vườn là nơi đón nhận và tổng hòa nhiều luồng văn hóa: Việt, Hoa, Khmer, Pháp và các nước Nam Dương.⁽²⁹⁾

Đặc biệt, đến giữa thế kỷ XX, khi lộ Đông Dương (trước năm 1975 gọi là lộ 4, nay là quốc lộ 1A) được đầu tư nâng cấp đại quy mô cùng với sự phát triển nhanh chóng của các loại xe cộ, thì miệt vườn lại đảm nhận thêm vị trí then chốt của giao thông đường bộ.

Do đặc thù địa lý nên ở ĐBSCL, tuyến quốc lộ 1A đi xuyên miệt vườn với chiều dài hơn 100km (xuyên qua địa bàn hai tỉnh Tiền Giang và Vĩnh Long), cộng với

khoảng 50km của quốc lộ 60 (xuyên qua địa bàn miệt vườn của ba tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long) và 50km của quốc lộ 53 (xuyên qua địa bàn miệt vườn của hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh).⁽³⁰⁾ Hơn 200km đường quốc lộ này có hàng chục giao điểm với tuyến đường giao thông thủy miền Tây - Sài Gòn (dấu hiệu nhận biết là các cây cầu và bến phà). Do đó, khả năng kết hợp giao thông vận tải thủy bộ vẫn là lợi thế to lớn của vùng đất này mà miệt vườn chính là trạm trung chuyển chủ yếu.

Chính lợi thế đó giúp cho miệt vườn đồng thời vừa là vùng đất có bề dày lịch sử khai phá hơn hẳn các vùng khác ở ĐBSCL, lại vừa không ngừng đón nhận các luồng dân cư mới qua tác động của đô thị hóa. Miệt vườn vừa phát triển nông nghiệp (trồng trọt) vừa phát triển thương nghiệp (trao đổi, mua bán hàng hóa) từ rất sớm, vừa là nơi lắng đọng của văn hóa truyền thống dân tộc⁽³¹⁾ lại vừa liên tục đón nhận các luồng văn hóa mới do tính chất mở thoáng của nó.

Do đó mà chính miệt vườn chứ không phải ở đâu khác đã sản sinh ra nhiều giá trị văn hóa tinh thần độc đáo, là sản phẩm của sự giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa ba tộc người Việt - Hoa - Khmer, giữa phương Đông và phương Tây: từ loại hình *đờn ca tài tử* đến *ca ra bộ* rồi *cải lương*.

Đặc biệt, Mỹ Tho do là “thủ phủ” của miệt vườn nên là nơi gặp gỡ giữa hai nền văn hóa Việt-Hoa và đến đầu thế kỷ XX được chủ nghĩa lãng mạn phương Tây làm chất xúc tác mà loại hình nghệ thuật cải lương đã có dịp nảy nở với nhiều nghệ danh nổi tiếng như: Tư Giỏi, Bảy Nhiêu, Hai Thông, Năm Châu, Bảy Triều, Trần Hữu Trang v.v... Đặc biệt là rạp hát của thầy Năm Tú lập tại Mỹ Tho năm 1917 được Xuân Diệu gọi là “Hollywood của Nam Bộ” không thể thiếu sự đóng góp xuất sắc của nữ nghệ sĩ người Việt gốc Hoa là Phùng Há.

Trước năm 1945, Xuân Diệu có thời gian làm Tham tá thương chánh ở Mỹ Tho, rất mê cải lương. Trong hồi ký của mình, ông khẳng định: “*Cải lương đã tăng chất trữ tình cho thơ tôi. Nó giúp cho chủ nghĩa lãng mạn trong thơ tôi được phát triển. Xét cho kỹ, chủ nghĩa lãng mạn đã vào trong âm nhạc (trong ca cải lương) trước khi xâm nhập vào văn chương*”.⁽³²⁾ Trong bài thơ “Nghe nhạc Nam” ông đã tỏ hết biết bao tình tự yêu đương được khêu gợi và gợi gắm qua các bài vọng cổ của đất Mỹ Tho này.

Tuy nhiên, có lẽ đại biểu xứng đáng nhất cho sản phẩm giao lưu văn hóa nói trên (nghệ thuật cải lương) chính là *Bạch công tử*, tức Lê Công Phước hay Phước George. Ông là người chủ lực lập đoàn hát Phước Cương và rạp hát Huỳnh Kỳ tại Mỹ Tho, lưu diễn khắp nơi, kể cả miền Bắc và bên Pháp, được xem như người có công thành lập nghệ thuật cải lương Nam Bộ. Tính tình ông hào hiệp và luôn chơi đúng “điệu nghệ”, cùng với *Hắc công tử* (Trần Trinh Huy) ở Bạc Liêu đã tạo ra nhiều giai thoại bất hủ lưu truyền đến tận ngày nay.

Như vậy, tóm lại, trong bức tranh tổng thể ĐBSCL, miệt vườn giữ vai trò là trung tâm, là *giao điểm giữa các trục đường thủy, đường bộ chính trong khu vực và đường thủy giao thông quốc tế*, là cái “rốn” của cả ĐBSCL nói chung.

Hiện tại, trong nguy cơ “Cửu Long cạn dòng, Biển Đông dậy sóng”⁽³³⁾ thì hơn ở đâu hết, miệt vườn là nơi bị ảnh hưởng nhanh nhất và nặng nề nhất chính vì tính chất là *đầu mối* và *sự nhạy cảm* của nó như đã trình bày ở trên.

L C L

CHÚ THÍCH

(1) Lê Bá Thảo (1986), *Địa lý ĐBSCL*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, tr. 117.

(2) Lê Bá Thảo (1990), *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, tr. 241.

- (3) Trên sông, rạch, kênh, tại nơi có hai luồng nước giao nhau khi nước lớn gọi là “giáp nước”. Do đó, giáp nước chỉ xuất hiện ở những tuyến nối hai luồng nước với nhau. Khi nước lớn, ghe thuyền xuôi đến chỗ giáp nước thì bị chững lại, đây là lúc khách thương hồ dừng lại tắm giặt, ăn uống, nghỉ ngơi (chính điều này dẫn đến việc hình thành chợ búa và kho chứa). Khi nước bắt đầu ròng, họ lại tiếp tục xuôi theo dòng nước để lên đường. Lưu thông theo cách này thì suốt thủy trình đều “xuôi chèo mát mái” vì thuận dòng. Các tuyến giao thông thủy chủ đạo Sài Gòn - miền Tây đều là các tuyến có “giáp nước”. Hai luồng nước giao nhau có thể từ hai con sông, hai con rạch hoặc hai con kênh, tạo thành các giáp nước cố định, vì khi nước ròng [nước lớn] hay nước kém thì vị trí các giáp nước này vẫn không thay đổi. Trái lại, giáp nước trên các sông lớn là những giáp nước không cố định, vì tùy thuộc vào thủy triều mạnh hay yếu (cũng tức là tùy vào ngày nước ròng hay nước kém) mà nước thượng nguồn gặp nước thủy triều sẽ bị chặn lại ở xa hay gần cửa biển.
- (4) *Cồn* là phần đất được bồi tụ ở giữa lòng sông, theo thời gian sẽ nổi lên dần (“Nổi như cồn” - thành ngữ). Dân gian miệt vườn tin rằng, ở dưới đáy Sông Tiền có rất nhiều cá sấu khổng lồ đã sống hàng trăm năm, chúng nằm im bất động để tu luyện, gọi là con *cù*, lâu ngày phủ sa đọng trên lưng biến thành *cồn*. Nhưng đến một lúc nào đó, vào những đêm mưa to gió lớn, con *cù* này sẽ vùng dậy hóa thành rồng và bay lên trời, gọi là “cù dậy”. Do được bồi tụ theo cách đó nên *cồn* thường nhỏ, trong khi *cù lao* là phần đất cao ráo và lớn hơn nhiều, nằm giữa hai nhánh sông. Chính vì đất *cù lao* cao ráo nên luồng nước sông phải dạt ra hai bên, hình thành hai nhánh sông. Sự khác nhau giữa *cồn* và *cù lao* là như vậy, tuy nhiên, giữa chúng cũng có nhiều điểm giống nhau, cho nên những *cồn* có diện tích lớn thì cũng thường được gọi là *cù lao*.
- (5) Ở đây chỉ nói đến Sông Tiền mà không nói đến Sông Hậu vì Sông Hậu “trẻ” hơn Sông Tiền, có lưu lượng ít hơn, độ dốc cao hơn nên sông ít rẽ nhánh và ít xuất hiện *cồn* hơn Sông Tiền.
- (6) Hầu hết cây ăn trái đều bị chết hoặc mất sức trổ trọt nếu bị ngập nước dài ngày.
- (7) Thực tế địa hình ở ĐBSCL có hiện tượng có vẻ nghịch lý: Vùng đất trũng thì rất ít kinh rạch, trái lại vùng đất cao ráo ven Sông Tiền, Sông Hậu lại có mật độ kinh rạch cao. Tuy nhiên, nếu phân tích sẽ thấy, vùng đất trũng đương nhiên nước lưu thông dễ dàng, nên không cần kinh rạch. Trái lại, vùng đất cao ráo ven sông như các con đê tự nhiên, sau lưng là vùng trũng thấp nên nước muốn thoát ra sông không có con đường nào khác ngoài kinh rạch.
- (8) Các con rạch kiểu này được dân gian gọi tên theo công thức “*Cái + X*”, như: Cái Bè, Cái Cối, Cái Lát, Cái Lân, Cái Nhỏ, Cái Nứa, Cái Rắn, Cái Sơn, Cái Thia (Tiền Giang); Cái Cấm, Cái Cát, Cái Cau, Cái Chát Lớn, Cái Chát Nhỏ, Cái Cối, Cái Gà, Cái Hàng, Cái Lút, Cái Mít, Cái Mơn, Cái Muồng, Cái Ngang, Cái Nhum, Cái Nứa, Cái Ôt, Cái Quao, Cái Sơn, Cái Tắc, Cái Tôm, Cái Tre, Cái Trê, Cái Ván, Cái Xoài (Bến Tre); Cái Bần, Cái Bát, Cái Bàu, Cái Cá, Cái Cầu, Cái Chúc, Cái Cơ, Cái Cui, Cái Dầu, Cái Đồi, Cái Lát, Cái Lóc, Cái Sâu, Cái Sơn, Cái Tháp, Cái Tàu, Cái Tràm Dưới, Cái Tràm Trên (Vĩnh Long); Cái Hạt, Cái Bè Cạn, Cái Đa Nhỏ, Cái Dao Dưới, Cái Dao Trên, Cái Dầu, Cái Dầu Bé, Cái Đồi, Cái Dứa, Cái Gia Nhỏ, Cái Hạt, Cái Nín, Cái Sao, Cái Sâu, Cái Sơn, Cái Tắc, Cái Tàu, Cái Tàu Hạ, Cái Tàu Thượng, Cái Xếp (Đồng Tháp); Cái Hóp, Cái Già, Cái Già Bến, Cái Già Trên (Trà Vinh).
- (9) Rạch Gầm và Xoài Mút là tên hai con rạch của miệt vườn Tiền Giang, chảy ra Sông Tiền.
- (10) Trong khi đó các tỉnh khác ở Nam Bộ có số lượng chợ ít hơn nhiều, chẳng hạn: Kiên Giang có 101 chợ, Hậu Giang có 69 chợ, Cà Mau có 100 chợ.
- (11) Vào lúc cao điểm của mùa nắng (tháng 4), toàn bộ sông và kinh rạch ở miệt vườn đều bị nước mặn xâm nhập ở mức độ nhẹ, tuy nhiên, do cây trái được trồng trên liếp cao ráo nên ít bị ảnh hưởng của lượng nước mặn này. Tại TP Mỹ Tho (tỉnh Tiền Giang), Sông Tiền có lượng muối khoảng 4-10g/ lít, tùy năm. Tình trạng nhiễm mặn này đã có ít nhất là từ mấy thế kỷ trước. Đây là đoạn Lê Quang Định miêu tả Sông Tiền đoạn chảy ngang Mỹ Tho (nên gọi là sông Mỹ Tho) trong sách *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (1806): “*Sông rộng 211 tấc, sâu 4 tấc, mùa hè nước trong mà mặn, mùa xuân, thu và đông nước đục mà ngọt*” (Bản dịch của Phan Đăng, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2005, tr. 98).
- (12) Chính vì hành trình trên sông theo hướng từ biển vào nên lưu dân quan niệm tả ngạn/ hữu ngạn trái ngược với ngày nay. Và quan niệm này được áp dụng ngay cả trong sử sách của nhà Nguyễn. Chẳng hạn, trong *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* (Sdd, tr. 101) có miêu tả Sông Tiền theo hướng từ biển vào nên đoạn chảy ngang TP Vĩnh Long ngày nay được xác định phương hướng tả/ hữu như sau: “*Sông Tiền Giang, phía tả ngạn thuộc địa giới dinh Vĩnh Trấn, phía hữu ngạn thuộc địa giới dinh Trấn Định*”. Ngày nay, do ảnh hưởng phương Tây nên người ta xác định tả ngạn/ hữu ngạn theo hướng từ thượng nguồn đi xuống.

- (13) Dinh Long Hồ là thủ phủ của châu Định Viễn, ban đầu đặt tại Cái Bè (nay thuộc tỉnh Tiền Giang), đến năm 1757 dời về đất Long Hồ (nay thuộc tỉnh Vĩnh Long). Hai địa điểm này nằm đối xứng ở hai bờ Sông Tiền.
- (14) Châu Đạt Quan (1296, tái bản 2007), *Chân Lạp phong thổ ký*, bản dịch của Lê Hương, Nxb Văn nghệ, TP HCM, tr. 73.
- (15) Do phù sa bồi đắp dưới đáy nương tạo thành lớp bùn nhão nên để vét lớp bùn này cần phải có dụng cụ chuyên môn. Lớp trên cùng bùn quá nhão thì dùng *gàu mức bùn*, lớp kế bùn tương đối đặc thì dùng *len*, lớp dưới đất cứng hơn thì dùng *gàu xấn đất*.
- (16) Ban đầu ở miệt vườn chủ yếu chỉ phát triển hoạt động mậu dịch (trao đổi hàng hóa), về sau yếu tố thương mại mới lần ầu dần. Mậu dịch, tức trao đổi hàng hóa, là kiểu giao dịch sản phẩm sơ khai của con người, mang nặng tính chất phỏng định và tình cảm. Chính vì tàn dư của dấu ấn mậu dịch này mà ở miệt vườn cho đến gần đây cũng vẫn còn cách lượng hóa sản phẩm không qua cân mà chỉ đếm theo *chục*, một *chục* trái cây gồm 12, 14, thậm chí 16 trái. Đây chính là hình thức cho thêm và/ hoặc “trừ hao” cho người mua/ thương lái trên đường di chuyển. Cách tính của dân nhà vườn đối với người mua trái cây luôn phóng khoáng theo kiểu “cây nhà lá vườn”.
- (17) Lê Quý Đôn (1976, tái bản 1964), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học, Hà Nội, tr. 382.
- (18) Trịnh Hoài Đức (1820?, tái bản 2005), *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, tr. 65.
- (19) Nguyễn Đình Đầu (1994), *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*, Nxb TP HCM, tr. 55.
- (20) Nguyễn Đình Đầu (1994), *Sdd*, tr. 195, 199.
- (21) UBND tỉnh Tiền Giang (2010), *Festival Trái cây Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội, tr. 5.
- (22) UBND tỉnh Tiền Giang, *Sdd*, tr. 20.
- (23) Chính vì vậy mà năm 2010, Festival Trái cây lần thứ nhất được chọn tổ chức tại TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.
- (24) Nguyễn Liên Phong, *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca*, Phát toán, Sài Gòn, 1909, tr. 63.
- (25) “Cũ”: chợ Cũ; “mới”: chợ Mỹ Tho mới; “một đồ”: đồ ngang trên kinh Bảo Định [chú thích của LCL].
- (26) Buồm ghe chạy dọc theo kinh Bảo Định [chú thích của LCL].
- (27) Việc thực dân Pháp chiếm Mỹ Tho (1861) - thủ phủ của miệt vườn - chính nằm trong kế hoạch của họ nhằm tạo bàn đạp để khống chế miền Tây và tiến sang Campuchia để giao thương với Trung Quốc theo dòng Mekong. Trong báo cáo gửi về Bộ Hải quân Pháp ngày 29/01/1859, tướng De Genouilly viết: “*Khi chiếm được Nam Kỳ, ta sẽ ngược sông Cửu Long tiến chiếm luôn vương quốc Cam Bốt*”. Do đó Pháp gọi sông Mekong là sông Campuchia. Khi đã chiếm trọn 6 tỉnh Nam Kỳ, năm 1868 thực dân Pháp cử đoàn thám hiểm do Doudart de Lagrée làm trưởng đoàn, ngược dòng sông Mekong vô cùng gian khổ trong suốt hai năm, vượt qua biết bao ghềnh thác nguy hiểm chết người, cuối cùng cũng tới được đất Đại Lý dù phải trả giá bằng cái chết của người trưởng đoàn.
- (28) Biển Hồ là một cái hồ vĩ đại ăn thông với sông Mekong thuộc lãnh thổ Campuchia, có vai trò điều tiết nước cho con sông này. Biển Hồ có nước chảy yếu nên thích hợp cho các loài cá sinh sống. Do đó, nơi đây là một ngư trường lớn của không chỉ người Campuchia mà của cả người Việt (Việt kiều), gồm cả người Việt sang làm thuê thời vụ xẻ cá, phơi khô, làm mắm vào mùa nắng. Bài hát ru quen thuộc “*Con ơi ở lại với bà/ Má đi mần mắm tháng ba má về...*” chính kể lại hành trình đi làm thuê ở Biển Hồ.
- (29) Thể hiện qua rất nhiều địa danh gốc Khmer, gốc Pháp và gốc Mã Lai.
- (30) Lý do là vì để xây dựng quốc lộ, người ta phải quy hoạch dựa theo các dải đất giống để có địa hình cao ráo mà miệt vườn chính là nơi tập hợp các dải đất giống này.
- (31) Chính vì thế mà sau khi thực dân Pháp chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1862), một ngôi văn miếu được gấp rút xây dựng tại miệt vườn, gọi là Văn Miếu Vĩnh Long, hiện nay vẫn còn.
- (32) Huy Cận (2002), *Hồi ký song đôi*, tập 1, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr. 131-132.
- (33) Tên tác phẩm khảo cứu của Ngô Thế Vinh, Văn nghệ mới xuất bản, California, Hoa Kỳ, 2009.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Châu Đạt Quan (1296, tái bản 2007), *Chân Lạp phong thổ ký*, bản dịch của Lê Hương, Nxb Văn nghệ, TP HCM.
2. Huy Cận (2002), *Hồi ký song đôi*, tập 1, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
3. Lê Bá Thảo (1986), *Địa lý ĐBSCL*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp.

4. Lê Bá Thảo (1990), *Thiên nhiên Việt Nam*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. Lê Công Lý (2007), "Lịch sử tuyến giao thông đường thủy nội địa Sài Gòn - miền Tây", trong *Nam Bộ - đất và người*, tập V, Nxb Trẻ.
6. Lê Công Lý (2010), "330 năm vị thế Mỹ Tho", tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 1.
7. Lê Công Lý (2011), "Lịch sử kênh Chợ Gạo ở Tiền Giang", trong *Nam Bộ - đất và người*, tập VIII, Nxb ĐHQG TP HCM.
8. Lê Quang Định (1806, tái bản 2005), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*, bản dịch của Phan Đăng, Nxb Thuận Hóa, Huế.
9. Lê Quốc Sử (1999), *Những khía cạnh kinh tế của văn minh kênh rạch Nam Bộ*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Lê Quý Đôn (1776, tái bản 1964), *Phủ biên tạp lục*, Nxb Khoa học, Hà Nội.
11. Ngô Thế Vinh (2009), *Cửu Long cận dòng, Biển Đông dậy sóng*, Văn nghệ mới xuất bản, California, Hoa Kỳ.
12. Nguyễn Đình Đầu (1994), *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ lục tỉnh*, Nxb TP HCM.
13. Nguyễn Liên Phong (1909), *Nam Kỳ phong tục nhơn vật điển ca*, Phát toán xb, Sài Gòn.
14. Nguyễn Phương Thảo (1997), *Văn hóa dân gian Nam Bộ - những phác thảo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
15. Sơn Nam (1970, tái bản 2014), *Văn minh miệt vườn*, trong *ĐBSCL nét sinh hoạt xưa & văn minh miệt vườn*, Nxb Trẻ, TP HCM.
16. Thạch Phương - Đoàn Tú chủ biên (2002), *Địa chí Bến Tre*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
17. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Anh Tuấn chủ biên (2005), *Địa chí Tiền Giang*, tập 1, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin Tư liệu Lịch sử Văn hóa Việt Nam xuất bản.
18. Trần Hoàng Diệu - Nguyễn Quang Ân chủ biên (2007), *Địa chí Tiền Giang*, tập 2, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang - Trung tâm UNESCO Thông tin Tư liệu Lịch sử Văn hóa Việt Nam xuất bản.
19. Trịnh Hoài Đức (1820?, tái bản 2005), *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Tổng hợp Đồng Nai.
20. UBND tỉnh Tiền Giang (2010), *Festival Trái cây Việt Nam*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.

TÓM TẮT

Miệt vườn Nam Bộ là vùng đất phù sa cao ráo nằm ven Sông Tiền, trải dài trên địa bàn các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long và Trà Vinh ngày nay, là vùng có mật độ dân cư đông đúc với diện tích vườn cây ăn trái chiếm tỷ trọng cao hơn các loại hình kinh tế khác. Miền vườn Nam Bộ mang những nét đặc trưng văn hóa sau: Đây là nơi người Việt đến định cư sớm nhất, là bàn đạp của công cuộc khai phá đồng bằng sông Cửu Long. Miền vườn là đầu mối giao thương đường thủy, đường bộ quan yếu giữa miền Tây Nam Bộ và Sài Gòn, đồng thời cũng là đầu mối giao thương đường thủy quốc tế giữa đồng bằng sông Cửu Long và các nước khác, mà trung tâm là Mỹ Tho. Miền vườn Nam Bộ là nơi đón nhận và tổng hòa nhiều luồng văn hóa: Việt-Hoa-Khmer-Pháp và các nước Nam Dương.

ABSTRACT

LEARNING ABOUT THE GEOCULTURE OF THE COUNTRYSIDE IN SOUTHERN VIETNAM

The countryside in Southern Vietnam is a high and dry alluvial soil land along the Tiền River, stretching over the areas of provinces of Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Vĩnh Long and Trà Vinh today. The population density is great with higher proportion of orchards than any other type of economic systems. The cultural diversity of Southern countryside has the following characteristics: It is the earliest settlement of the first Vietnamese settlers and also the springboard for the reclamation of the Mekong Delta; besides, it is the important land and waterway transport junction between the Southwestern and Saigon, and also the international waterway transport junction between the Mekong River Delta and other countries in which Mỹ Tho is the center. The countryside in Southern Vietnam is also the place where various cultures from Vietnam, China, Cambodia, France and the island nations of Southeast Asia and the Pacific Ocean were received and blended.